TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SA PA-TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA-TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Mạnh và ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cờng-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ S Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Minh Q, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Tổ 20, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Vàng Thị M, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn Ý L2 Hồ 1, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Giàng Thị V, sinh năm 19xx.

Chị: Vàng Thị Ph, sinh năm 19xx.

Anh: Sùng A L, sinh năm 19xx.

Anh: Sùng A S, sinh năm 19xx.

Anh: Sùng A M1, sinh năm 1988.

Chị: Sùng Thị L1, sinh năm 1988.

Chị: Sùng Thị C, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: Thôn Ý, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Minh Q: Anh Ma Ngọc Mạnh L2, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Tổ 01, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4. Người phiên dịch: Anh Sùng A Ph1, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ý L, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Anh: Phàn Láo L2, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 02, phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1986, ông Hà Minh Q khai phá diện tích đất khoảng 2,5ha tại xóm 2, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (Nay là tổ 02, phường S, thị xã S), tỉnh Lào Cai. Năm 1992, gia đình ông Hà Minh Q làm thủ tục xin cấp đất và được Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa ban hành Quyết định cấp đất làm vườn rừng số: 22 với diện tích đất 2,5ha mang tên ông Hà Minh Q. Trong đó, đất trồng cây gây rừng là 0,5ha; đất trồng cây ăn quả là 1,0ha; đất nương định canh là 1,0ha. Sau khi được cấp đất gia đình trồng cây theo phương thức nông, lâm kết hợp thâm canh trồng cây ăn quả, trồng xen cây Thông Sa Mộc, cây Trẩu và Tống Cuốn Sủi. Đến năm 2004, các loại cây lâu năm khép tán phủ kín đất, nên gia đình không trồng cây hàng năm nhưng vẫn tiếp tục chăm sóc cây và quản lý vườn rừng.

Đến đầu năm 2018, một số hộ gia đình người HMông tranh chấp chặt phá cây, lấn chiếm đất để trồng cây Ngô, trong đó có gia đình ông Sùng A C1 và bà Vàng Thị M lấn chiếm diện tích đất là 5.277m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Sa Pa, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sa Pa, Ban quản lý khu du lịch sinh thái Hàm Rồng, Ủy ban nhân dân xã Lao Chải, Ủy ban nhân dân thị trấn Sa Pa, Ủy ban nhân dân xã San Sả Hồ xác định diện tích đất vườn rừng của gia đình ông Hà Minh Q, có 10 hộ dân lấn chiếm để trồng cây Ngô là các hộ gia đình ông Thào A Ch, Sùng A Ch1, Vàng A D, Sùng A L, Thào A S, Sùng A S, Sùng A Th, Sùng A V, Sùng A C1, Vàng A L. Từ năm 2020 đến năm 2021, các hộ dân tiếp tục chặt phá rừng, nên ông Hà Minh Q nhiều lần gửi đơn trình báo kèm theo ảnh hiện trạng rừng đến Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa, Công an phường Sa Pa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa tiến hành làm việc với hộ gia đình ông Hà Minh Q, để thống nhất biện pháp trồng lại rừng trên diện tích đất đã được cấp làm vườn rừng đã bị các các hộ dân khác khai thác, chặt phá. Đến ngày 19 tháng 3 năm 2021, gia đình ông Hà Minh Q nhận 5000 cây Thông Sa Mộc của Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa để trồng lại trên diện tích đất vườn rừng đã bị chặt phá. Đến ngày 20 tháng 3 năm 2021, gia đình ông Hà Minh Q thuê người đưa cây đến trồng thì bị một số người dân tộc HMông đến ngăn cản, uy hiếp không cho trồng cây và nhổ hết số cây đã trồng. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa căn cứ sơ đồ đất do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sa Pa đo đạc để làm căn cứ xác định đất tranh chấp để giải quyết: Buộc bà Vàng Thị M trả lại diện tích đất là 4.920,76m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc quyền sử dụng đất.

Đến ngày 17 tháng 5 năm 2024, ông Hà Minh Q khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Vàng Thị M trả diện tích đất là 5.277m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và buộc bà Vàng Thị M phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng diện tích đất là 5.277m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Đến ngày 24 tháng 7 năm 2024, ông Hà Minh Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Vàng Thị M, chị Giàng Thị V, chị Vàng Thị Ph, anh Sùng A L, anh Sùng A S phải trả diện tích đất là 4.655m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai; Ông Hà Minh Q rút yêu cầu về việc bà Vàng Thị M phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với diện tích đất 5.277m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã

S, tỉnh Lào Cai và rút yêu cầu về việc buộc bà Vàng Thị M phải trả diện tích đất là 622m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn bà Vàng Thị M trình bày: Nguồn gốc đất của gia đình bà là do ông, cha của chồng là ông Sùng A C1 khai phá đã lâu để lại. Sau khi bố, mẹ chồng chết thì để lại cho vợ chồng bà và ông Sùng A C1 canh tác sử dụng thường xuyên, nhưng có năm thì để đất trống do đất bạc màu, năm tiếp theo tiếp tục canh tác cho đến nay. Quá trình thời gian sử dụng đất của ông, cha, chồng là ông Sùng A C1 thì bà không biết nhưng từ năm 1983, bà Vàng Thị M về làm dâu cùng gia đình chồng ông Sùng A C1 canh tác trồng cây Ngô, trong đó có các con trai là Sùng A S, anh Sùng A L, anh Sùng A M1, con gái là chị Sùng Thị L1, chị Sùng Thị C, con dâu chị Vàng Thị Ph, chị Giàng Thị V, canh tác sử dụng. Năm 2009-2010, các con là chị Sùng Thị L1, chị Sùng Thị C, anh Sùng A M1 đã lập gia đình kết hôn, không sống chung cũng không cùng canh tác đất nữa. Từ thời gian năm 2010, vợ chồng ông Sùng A C1 và bà Vàng Thị M cùng các con, chị Giàng Thị V, chị Vàng Thị Ph, anh Sùng A L, anh Sùng A S vẫn canh tác sử dụng cho đến năm 2022 thì ông Sùng A C1 chết. Bà Vàng Thị M không nhớ rõ nhưng có thời gian, Cơ quan nhà nước có thông báo là các gia đình có đất ở đồi Hàm Rồng thì thống kê đo đạc, để được bồi thường đất thì gia đình bà Vàng Thị M có xác định để đo đạc diện tích đất là 5.832,9m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và có sơ đồ đất. Bà Vàng Thị M không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh Q, vì đất do gia đình khai phá.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh Sùng A L, anh Sùng A S đều nhất trí với ý kiến của bà Vàng Thị M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xét xử buộc bà Vàng Thị M, chị Giàng Thị V, chị Vàng Thị Ph, anh Sùng A L, anh Sùng A S trả lại diện tích đất là 4.655m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai cho ông Hà Minh Q.

Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Minh Q về việc, buộc bà Vàng Thị M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất là 5.277m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và đình chỉ yêu cầu về việc, buộc bà Vàng Thị M phải trả diện tích đất là 622m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất là 4.655m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật đất đai và khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án và quan hệ giải quyết *là "Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Giàng Thị V, chị Vàng Thị Ph, anh Sùng A M1, chị Sùng Thị L1, chị Sùng Thị C vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ đương sự cung cấp nguyên đơn xác định: Năm 1986, ông Hà Minh Q khai phá diện tích đất là 2,5ha, có địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Đến ngày 25 tháng 5 năm 1992, Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa ban hành Quyết định cấp đất làm vườn rừng số: 22 đối với diện tích đất 2,5ha cho ông Hà Minh Q. Ông Hà Minh Q cung cấp người làm chứng, giấy cấp đất chứng minh đất được cấp nêu trên giáp đất liền kề của các hộ ông Nguyễn Tự D, ông Giàng Xuân Ch những hộ dân này cũng được Nhà Nước giao đất trong cùng thời gian năm 1992 và những người làm chứng ông Nguyễn Minh S, ông Đỗ Tràng Ch, ông Nguyễn Tiến S có đất liền kề xác nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vàng Thị M không nhất trí tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; Nguyên đơn ông Hà Minh Q đề nghị Tòa án căn cứ vào sơ đồ đất do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sa Pa đo đạc là do gia đình bà Vàng Thị M đề nghị đo đạc để làm căn cứ, xác định diện tích đất tranh chấp là có cơ S chấp nhận xác định diện tích đất tranh chấp có diện tích là 5.277m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Tại văn bản số: 455/TNMT-QLĐT ngày 19 tháng 9 năm 2022 của phòng tài nguyên và môi trường thị xã Sa Pa, xác định sổ quản lý vườn rừng theo Quyết định cấp đất vườn rừng số 22 năm 1992 cho ông Hà Minh Q; Sổ quản lý vườn rừng theo Quyết định cấp đất vườn rừng số 22 năm 1992 cho ông Nguyễn Tự Do; Sổ quản lý vườn rừng theo Quyết định cấp đất vườn rừng số 24 năm 1992 cho ông Giàng Xuân Ch thì thấy tại sơ đồ vườn rừng của các Quyết định cấp đất cho ông Nguyễn Tự D và ông Giàng Xuân Ch, thửa đất của ông Hà Minh Q giáp với đất của ông Giàng Xuân Ch. Tại thực địa, thửa đất đang tranh chấp hiện nay giữa ông Hà Minh Q với các hộ gia đình các ông Sùng A Ch, Sùng A C, Vàng A D, Sùng A L, Vàng A L, Sùng A S, Vàng A Dế, Sùng A Th, Vàng A V có giáp ranh với đất của ông Giàng Xuân Ch và ông Nguyễn Tự D là đúng. Như vậy, diện tích đất là 4.655m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai nằm trong diện tích đất 2,5ha-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai phù hợp với lời khai của những người làm chứng do nguyên đơn ông Hà Minh Q cung cấp.

Theo công văn số: 19/CV-BQLHR ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ban quản lý khu du lịch sinh thái Hàm Rồng, xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp 5.277m^2 nằm trong phần diện tích đất 64,55ha chưa giải phóng mặt bằng theo kết luận Thanh tra số: 01/KL-TT ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Thanh tra tỉnh Lào

Cai và không nằm trong phạm vi đất mà Ban quản lý khu di lịch sinh thái Hàm Rồng quản lý được giao quản lý.

Tại công văn số: 2363/UBND-TNMT ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa, về việc cung cấp thông tin xác định diện tích đất 5.277m^2, trong đó có diện tích đất là 4.712,6m^2 nằm trong diện tích đất là 20.652,9m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai do Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tiến hành xem xét thẩm định đo đạc ngày 23 tháng 02 năm 2024. Còn lại diện tích là 564,4m^2 nằm ngoài ranh giới diện tích đất 20.625,9m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Tại công văn số: 2697/UBND-TNMT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa, về việc cung cấp thông tin xác định diện tích đất 5.832,9m^2 với sơ đồ quản lý vườn rừng mang tên ông Hà Minh Q, có diện tích 20,652,9m^2, kết quả có diện tích 4.712,6m^2 nằm trong danh giới thửa đất 20,652,9m^2, còn có diện tích đất 57,6m^2 nằm trong diện tích đất 20,652,9m^2. Tổng diện tích đất tranh chấp là 4.655m^2.

Từ những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định ông Hà Minh Q cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh diện tích đất tranh chấp là 4.655m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai nằm trong diện tích đất theo Quyết định cấp đất làm vườn rừng số: 22 đối với diện tích đất là 2,5ha do Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa cấp ngày 25 tháng 5 năm 1992 mang tên ông Hà Minh Q và phù hợp với những người làm chứng. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp nêu trên được Nhà nước giao cho ông Hà Minh Q quản lý sử dụng. Bà Vàng Thị M, anh Sùng A L, anh Sùng A S thừa nhận bà Vàng Thị M, chị Giàng Thị V, anh Sùng A L, anh Sùng A S, chị Vàng Thị Ph canh tác sử dụng, đến nay đã thu hoạch cây Ngô. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Hà Minh Q, buộc bà Vàng Thị M, chị Giàng Thị V, chị Vàng Thị Ph, anh Sùng A L, anh Sùng A S trả lại diện tích đất là 4.655m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Ông Hà Minh Q rút yêu cầu về việc, buộc bà Vàng Thị M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Hà Minh Q thực hiện quyền sử dụng diện tích đất đối với diện tích đất 4.920,76m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và rút yêu cầu về việc buộc bà Vàng Thị M trả diện tích đất 622m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Nên đình chỉ yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Minh Q.

Buộc bà Vàng Thị M, chị Giàng Thị V, chị Vàng Thị Ph, anh Sùng A L, anh Sùng A S trả lại diện tích đất là 4.655m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Diện tích đất có tứ cận phía Bắc giáp đất hộ ông Thào A Ch và Sùng A D tranh chấp với ông Hà Minh Q; Phía Đông giáp với đất ông Vàng A L tranh chấp với ông Hà Minh Q; Phía Nam giáp với phần đất ông Sùng A S tranh chấp với ông Hà Minh Q; Phía Tây giáp với đất bà Vàng Thị M đang sử dụng. Diện tích đất được xác định các điểm tọa độ theo sơ đồ hiện trạng và vị trí thửa đất như sau: **60.** X 2471087.34 - Y 407275.50; **61.** X 2471087.385 - Y 4072782.542; **1.** X(m) 2471087.88 - Y(m) 407291.61; **2.** X(m) 2471086.36 - Y(m) 407298.98; **3.** X(m) 2471083.22 - Y(m) 407307.75; **4.** X(m) 2471079.85 - Y(m) 407314.37; **5.** X(m) 2471077.94 - Y(m) 407318.25; **6.** X(m) 2471059.30 - Y(m) 407323.38; **7.** X(m) 2471073.35 - Y(m) 407327.36; **8.** X(m) 2471069.07 - Y(m) 407331.50; **9.** X(m) 2471065.99 - Y(m) 407334.64; **10.** X(m) 2471063.41 - Y(m) 407337.02; **11.** X(m) 2471061.70 - Y(m) 407339.46; **12.** X(m) 2471059.11 - Y(m) 407337.57; **13**. X(m) 2471057.18 - Y(m) 407337.31; 14. X(m) 2471053.48 - Y(m) 407337.28; **15.** X(m) 2471048.60 - Y(m) 407340.20; **16.** X(m) 2471044.28 - Y(m) 407343.44; **17.** X(m) 2471040.95 - Y(m) 407346.47; **18.** X(m) 2471037.71 - Y(m) 407346.86; **19.** X(m) 2471032.81 - Y(m) 407348.44; **20.** X(m) 2471022.58 - Y(m) 407346.06; **21.** X(m) 2471017.12 - Y(m) 407341.81; **22.** X(m) 2471015.34 - Y(m) 407339.91; **23.** X(m) 2471012.83- Y(m) 407335.53; **24.** X(m) 2471011.61 - Y(m) 407332.10**; 25.** X(m) 2471009.75 - Y(m) 407328.97; **26.** X(m) 2471008.10 - Y(m) 407324.25; **27.** X(m) 2471006.64 - Y(m) 407318.39; **28.** X(m) 2471005.20 - Y(m) 407315.42; **29.** X(m) 2471001.88 - Y(m) 407315.93; **30.** X(m) 2470995.91 - Y(m) 407317.79; **31.** X(m) 2470986.63 - Y(m) 407321.18; Theo sơ đồ lồng ghép của Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa **3.** X(m) 2470988.06 – Y(m) 407320.66; **2**. X(m) 2470991.65 – Y(m) 407308.30; **1**. X(m) 2471032.61 – Y(m) 407279.41; **2**. X(m) 2471057.69 – Y(m) 407275.32; **1**. X(m) 2471057.72 – Y(m) 407274.26; **1**. X(m) 2471079.35 – Y(m) 407274.05; **3**. X(m) 2471080.82 – Y(m) 407274.04; **2**. X(m) 2471085.65 – Y(m) 407273.99; **1**. X(m) 2471087.23 – Y(m) 407274.58.

Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Minh Q về việc, buộc bà Vàng Thị M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc, ông Hà Minh Q thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 5.277m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Minh Q về việc, buộc bà Vàng Thị M trả diện tích đất là 622m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải hoàn trả phải thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

(Kèm theo phiếu xác nhận đo đạc địa chính thửa đất của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sa Pa cung cấp và sơ đồ lồng ghép của Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa, được đính kèm theo công văn số 2363/UBND-TNMT ngày 22 tháng 7 năm 2024 và công văn số 2697/UBND-TNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024, sơ đồ hiện trạng và vị trí thửa đất).

2. Về án phí: Ông Hà Minh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Hà Minh Q tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001573 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa.

Bà Vàng Thị M phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Hà Minh Q phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 353.700 đồng (Ba trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Bà Vàng Thị M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 2.646.300 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng), do ông Hà Minh Q đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Như vậy, bà Vàng Thị M phải hoàn trả cho ông Hà Minh Q số tiền là 2.646.300 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cõng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TX;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSTX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà